

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03-7-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thu L, sinh năm 1988. Địa chỉ: B141, tổ 2, ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh “Có mặt”.

Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: B141, tổ 2, ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Huỳnh Thu L trình bày:* Chị và Anh Phan Minh T chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do Anh T ăn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, ăn nhậu say xỉn chị khuyên nhủ thì Anh T đánh đập chị. Khoảng 2, 3 năm trước Anh T tiếp tục chơi cờ bạc và đổ nợ, đem thế tài sản trong nhà và xe, chị phải đi chuộc xe và trả nợ thay Anh T. Sau đó vợ chồng chuyển đến huyện G ở nhà cha mẹ ruột chị để đi làm xí nghiệp, Anh T tiếp tục chơi cờ bạc và đổ nợ, chị giữ lương của Anh T để trả nợ nhưng lương không đủ trả nợ. Hai con của chị

hiện do cha mẹ chị nuôi, dù ở chung với cha mẹ nhưng Anh T vẫn đánh đập chị, vì muốn hòa giải nên chị không báo chính quyền địa phương. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án đến nay Anh T về huyện C sống, chị sống tại nhà cha mẹ ruột tại huyện G. Quá trình chung sống Anh T liên tục gây nợ nần, làm không đủ tiền trả nợ, sau này không biết nuôi con như thế nào. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, tại tòa chị yêu cầu ly hôn với Anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 12/9/2009 và Phan Minh Q, sinh ngày 28/11/2014. Chị yêu cầu nuôi cháu Q, đồng ý giao cháu H cho Anh T nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

** Anh Phan Minh T – bị đơn trình bày trong hồ sơ vụ án:*

Anh thống nhất về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như Chị L trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng tại huyện C, năm 2018 về nhà cha mẹ vợ tại huyện G sống để đi làm xí nghiệp. Do vợ chồng cự cãi qua lại nên anh đánh vợ và bỏ về huyện C sống, vợ nộp đơn ly hôn với anh tại Tòa án. Anh thừa nhận có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhưng từ khi về huyện G sống anh không chơi nữa, lương của anh đưa cho vợ giữ, vợ rút làm gì anh không biết. Từ khi ly thân anh đến nhà để hòa giải nhưng vợ không chịu nói chuyện, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu H và cháu Q, hiện hai con sống với Chị L. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chị L, xử cho vợ chồng anh ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đại diện VKSND huyện C phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L, xử cho Chị L được ly hôn Anh T. Về nuôi con chung: Giao cháu Q cho Chị L trực tiếp nuôi, Anh T nuôi cháu H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Tài sản

chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, Chị Huỳnh Thu L có mặt. Bị đơn, Anh T vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thu L và Anh Phan Minh T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 17/4/2009 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do Anh T thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, ăn nhậu, đánh đập vợ. Chị L nhiều lần trả nợ cờ bạc cho Anh T nhưng Anh T không thay đổi, không lo làm ăn cùng Chị L chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay, Anh T có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Anh T xin tự hòa giải nhưng không thành. Về phía Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với Anh T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án chấp nhận cho Chị L được ly hôn với Anh T.

Về nuôi con chung: Chị L và Anh T có 02 con chung là Phan Minh H, sinh ngày 12/9/2009 và Phan Minh Q, sinh ngày 28/11/2014. Chị L yêu cầu nuôi cháu Q, đồng ý giao cháu H cho Anh T nuôi dưỡng; Anh T yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét về con chung thấy rằng: từ khi anh chị ly thân đến nay hai cháu Q và cháu H sống với Chị L, Chị L chăm sóc con chung rất tốt, quan tâm đến việc học hành, tâm sinh lý của các con. Chị L cung cấp cho Tòa án các bảng lương thể hiện thu nhập ổn định, Anh T không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh thu nhập của mình. Quá trình Tòa án lấy lời khai, cháu H có yêu cầu ở với mẹ để tiện việc học hành, nhưng hiện nay cháu H đã làm thủ tục chuyển trường về huyện C và có nguyện vọng sống cùng cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị L, giao cháu Q cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp tâm tư nguyện vọng của con chung.

Tài sản chung: Chị L, Anh T không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Chị L, Anh T khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Thu L.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thu L được ly hôn với Anh Phan Minh T.
2. Về con chung: Giao cháu Phan Minh H, sinh ngày 12/9/2009 cho Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phan Minh Q, sinh ngày 28/11/2014 cho Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L, Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh, chị không yêu cầu. Sau khi ly hôn, Chị L, Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.
3. Tài sản chung: Chị L, Anh T không yêu cầu giải quyết.
4. Nợ chung: Chị L, Anh T khai không có nên không xem xét
5. Về án phí: Chị Huỳnh Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006885 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương